

PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦY SẢN PHẢI ĐI ĐÔI VỚI VIỆC ĐẢM BẢO AN TOÀN SINH MẠNG VÀ SỨC KHOẺ CHO CÁC LAO ĐỘNG NGHỀ CÁ

Chu Tiến Vĩnh, Lê Hồng Liên
*Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản
Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn*

Ngành thủy sản những năm vừa qua có những bước tiến vượt bậc, góp phần vào tăng trưởng kinh tế của đất nước với giá trị xuất khẩu năm 2006 đạt 3,31 tỷ USD, là ngành đang được Đảng và nhà nước quan tâm xây dựng để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Mục tiêu của ngành trong các năm tới là “Phát triển ngành thủy sản thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao, có sơ cấu sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng trong nước, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục giữ vững là ngành có kim ngạch xuất khẩu cao và có tỷ trọng GDP đáng kể trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp” (Qui hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020).

Tốc độ tăng trưởng nhanh của ngành đồng thời với số lao động trực tiếp làm nghề cá cũng tăng nhanh. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, ở Việt Nam hiện nay có khoảng 4 triệu lao động nghề cá, trong đó 700.000 người lao động nghề khai thác hải sản, nuôi trồng thủy sản 560.000 người, chế biến 250.000 người và dịch vụ nghề cá 1.000.000 người. Điều kiện, môi trường làm việc cũng như tác động của thiên nhiên tới nghề nghiệp của lao động nghề cá có đặc thù khác nhau và cũng khác biệt với các nghề lao động khác.

Báo cáo này đề cập một phần hiện trạng điều kiện, môi trường lao động của người lao động trong khai thác, chế biến thủy sản và đề xuất một số giải pháp để cải thiện việc chăm sóc sức khỏe cho người lao động, ngư dân trong lĩnh vực khai thác và chế biến thủy sản.

Ngành Thủy sản góp phần phát triển kinh tế đất nước và đảm bảo an ninh quốc phòng

Là một trong những ngành kinh tế có tốc độ phát triển nhanh và năng động trên cơ sở xuất phát điểm là nghề cá nhân dân, đầu tư cho hạ tầng cơ sở rất hạn chế; môi trường hoạt động sản xuất, khai thác tài nguyên thiên nhiên ở các vùng nước nên cũng là nghề phụ thuộc vào thiên nhiên có mức độ rủi ro rất cao. Kết quả của các hoạt động sản xuất thủy sản đến nay đã cung cấp được khoảng 40% lượng protein động vật trong bữa ăn hàng ngày của người Việt Nam; góp phần chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp và nông thôn cũng như xóa đói giảm nghèo, tạo sinh kế cho hàng triệu người lao động sinh sống tại các vùng ven biển, hải đảo.

Các văn bản pháp luật như Luật Thủy sản, các Nghị định của Chính phủ đã được ban hành qui định các điều kiện sản xuất kinh doanh thủy sản, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển, quản lý hoạt động khai thác của các tổ chức cá nhân trên các vùng biển, đối với tàu cá nước ngoài. Hệ thống khu bảo tồn biển, khu bảo tồn nguồn lợi thủy sản nội địa đang được xây dựng, thiết lập tạo điều kiện thuận lợi cho các loài thủy sản sinh trưởng, Quý Tái tạo nguồn lợi thủy sản mới được Chính phủ phê duyệt, thành lập, hàng năm duy trì việc thả tôm, cá giống vào các vùng nước để tái tạo nguồn lợi. Ngành cũng xây dựng chính sách, chương trình, dự án nhằm quản lý, phát triển ngành theo hướng nguồn lợi thủy sản được sử dụng bền vững để vừa thỏa mãn nhu cầu tăng thị phần xuất khẩu và tiêu thụ nội địa vừa duy trì được nguồn lợi cho kế hoạch phát triển kinh tế bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Theo kết quả điều tra, đánh giá của các nhà khoa học, tổng trữ lượng nguồn lợi biển Việt Nam khoảng 3,1 triệu tấn, sản lượng khai thác hải sản những năm gần đây giữ ổn định trong khả năng khai thác cho phép. Sản lượng nuôi trồng thủy sản tăng nhanh.

Kết quả hoạt động sản xuất của ngành thủy sản giai đoạn 2000 – 2006

Chỉ số	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Sản lượng thủy sản (tấn)	2.003.700	2.226.900	2.410.900	2.536.361	3.073.600	3.432.800	3.695.000
Trong đó:							
- Khai thác	1.2800.590	1.347.800	1.434.80	1.426,223	1.923.500	1.995.400	2.001.000
- Nuôi trồng	723.110	879.100	976.100	1.110.138	1.200.000	1.437.400	1.694.000
Xuất khẩu							
-Giá trị (1.000USD)	1.475.000	1.760.000	2.023.000	2.216.000	2.397.000	2.730.000	3.310.000
-Kim ngạch xuất khẩu (tấn)	291.922	358.833	444.043	458.497	518.747	626.000	805.766
Số lượng tàu đánh cá (chiếc)	79.017	78.978	81.800	83.122	85.430	90.880	
Tổng công suất	3.204.998	3.722.577	4.038.365	4.100.000	4.721.701	5.371.000	
Diện tích nuôi trồng thủy sản (ha)		755.200	797.700	858.340	902.900	1.000.000	1.050.000

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ khai thác đã và đang tiến hành đầu tư, bao gồm cả hệ thống neo đậu, tránh trú bão, hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển. Cho đến năm 2005, ngành thủy sản đã nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới 75 cảng cá, bến cá, trong đó 57 cảng ven biển, 17 cảng tuyến đảo. Khoảng 700 cơ sở đóng tàu có khả năng đóng mới 4.000 chiếc/năm và sửa chữa 8.000 chiếc/năm, ngoài ra còn có nhiều xưởng đóng tàu nhỏ ở các địa phương.

Ngoài ra, ngành Thủy sản tăng cường phối hợp chặt chẽ với các lực lượng Bộ đội Biên phòng, Hải quân, Cảnh sát Biển, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn quản lý tốt người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển, cứu hộ cứu nạn ngư dân, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền lợi ích quốc gia trên các vùng biển. Triển khai thực hiện Hiệp định hợp tác nghề cá Việt Nam Trung Quốc trong vịnh Bắc bộ.

Nghị quyết số 4 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa X về Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020 “Phải phấn đấu để đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu lên về biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển, góp phần giữ vững ổn định và phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường.. phấn đấu đến năm 2020 kinh tế biển đóng góp khoảng 53-55% GDP, 55-60% kim ngạch xuất khẩu của cả nước, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cải thiện một bước đáng kể đời sống của nhân dân vùng biển và ven biển”

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong Ngành Thủy sản

“Sức khỏe là vốn quý của mỗi con người và của toàn xã hội, là nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, chúng ta phấn đấu để mọi người đều được quan tâm chăm sóc sức khỏe”. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về Những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Công tác đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động thủy sản luôn được sự quan tâm hàng đầu của ngành Thủy sản. Ngày 3/2/2005, Bộ trưởng Bộ Thủy sản đã ban hành Chỉ thị số 01/2005/CT-BTS về tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản và xác định Năm 2005 là “**Năm tăng cường công tác quản lý, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản**”. Năm 2006, 2007, Chỉ thị của Bộ trưởng về công tác phòng, chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo an toàn cho ngư dân, tàu thuyền hoạt động thủy sản ban hành

ngay từ đầu năm.

Công đoàn Thủy sản Việt Nam là tổ chức có chức năng, nhiệm vụ giúp Bộ Thủy sản trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người lao động trong ngành. Dự án INT/95/M10/DAN do Bộ Thủy sản và Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động đưa ra Chương trình hành động về An toàn vệ sinh lao động của ngành Thủy sản giai đoạn 1998 – 2010 với mục tiêu tạo nên một bước chuyển biến cơ bản về nhận thức trong tổ chức nhân sự và quản lý để giải quyết đồng bộ các mặt từ pháp luật, chế độ chính sách đến giải pháp kinh tế kỹ thuật nhằm cải thiện một bước quan trọng trong điều kiện làm việc, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nâng cao sức khỏe cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp thủy sản cũng như ngư dân trong giai đoạn phát triển kinh tế của đất nước. Dự án đã xác định nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan nhà nước, địa phương, ngành; người sử dụng lao động và người lao động; tổ chức quản lý, chỉ đạo thực hiện công tác bảo hộ lao động trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh về an toàn vệ sinh lao động trong ngành thủy sản.

Đề tài nghiên cứu cấp Bộ với tiêu đề “**Nghiên cứu, khảo sát thực trạng điều kiện lao động ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động chế biến thủy sản nhằm đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện lao động, đề nghị bổ sung danh mục nghề nghiệp được bảo hiểm ở Việt Nam**” được bà Nguyễn Thị Phương Lâm thực hiện tập trung khảo sát về điều kiện, môi trường lao động trong chế biến đông lạnh.

Cho đến nay, cả nước có 352 doanh nghiệp chế biến: 439 xưởng sản xuất, công suất chế biến 1.000 tấn/ngày, trong đó 296 xưởng chế biến đông lạnh

Điều kiện, môi trường lao động: người lao động làm việc trong phân xưởng có nhiệt độ, độ ẩm (Nhiệt độ: $\leq 26^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm: $\leq 80\%$); hàm lượng các khí độc: Cl_2 , NH_3 , CO_2 thường cao hơn tiêu chuẩn cho phép. Các công đoạn chế biến thủy sản đông lạnh chủ yếu thực hiện trong môi trường lạnh, đặc biệt là tiếp xúc với lạnh cục bộ, cùng với một số yếu tố vi sinh vật (vi khuẩn, nấm mốc, sản phẩm, sản hạt hồng...) chất dịch (nhớt) tiết ra từ thủy sản phân hủy bởi men proteaza (men phân giải protein trong thủy sản), liều lượng máu nuôi dưỡng ít dẫn tới nên có cứng cơ, liệt dây thần kinh, tổ chức bị loạn dưỡng gây ra các hiện tượng viêm nhiễm đường hô hấp, viêm da, viêm loét kẽ bàn tay, chân. Tư thế làm việc đứng liên tục kéo dài và phải tập trung chú ý cao, các thao tác lặp đi lặp lại nhiều lần trong ca làm việc (10-12h/ca) làm cho người lao động mệt mỏi, sức khỏe giảm sút nhanh chóng. Đây là tác hại nghề nghiệp đặc trưng của người lao động chế biến thủy sản đông lạnh.

Đề nghị bổ sung bệnh loét da bàn tay, kẽ ngón tay chân của công nhân chế biến thủy sản vào danh mục bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm Việt Nam đã được nhà nước công nhận. Ngày 21/9/2006, Quyết định số 27/2006/QĐ-BYT về việc bổ sung 04 bệnh nghề nghiệp vào danh mục các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm của Bộ trưởng Bộ Y tế đã bổ sung Bệnh viêm loét da, viêm móng và xung quanh móng nghề nghiệp.

Các bệnh viêm phế quản mạn tính, sạm da nghề nghiệp mà người lao động chế biến thủy sản đông lạnh cũng được hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm ở Việt Nam.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu trên cũng đề xuất cần phải xem xét bệnh giãn tĩnh mạch chân, bệnh viêm mũi dị ứng, bệnh thấp khớp ảnh hưởng, tác hại đến sức khỏe đến người lao động chế biến thủy sản đông lạnh để đảm bảo quyền lợi; chế độ hợp lý cho họ.

Năm 2006, xuất phát từ thực tiễn của ngành, chưa đánh giá được tình hình sức khỏe, bệnh tật cũng như các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động trong lĩnh vực khai thác thủy sản trên biển, đề tài “**Khảo sát điều kiện, môi trường lao động của nghề khai thác thủy sản trên biển, đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện, môi trường lao động**” được kỹ sư Đỗ Tiến Dũng chủ trì thực hiện.

“Khai thác thủy sản trên biển rõ ràng là một nghề nguy hiểm nhất, tại nhiều nước, đó là nghề

có tỷ lệ tử vong cao nhất, người đánh bắt thủy sản trên biển bị nhiều tai nạn và bệnh tật liên quan đến lao động” (Tổ chức Lao động quốc tế - ILO)

Khai thác thủy sản trên biển mang tính chất tư nhân, chiếm 99% tổng số lao động và chiếm 99,5% sản lượng khai thác trên biển. Chủ tàu và người lao động tự thỏa thuận miệng về những ràng buộc trong công việc cũng như việc ăn chia theo sản lượng thủy sản thu được mà không có hợp đồng lao động, cam kết. Người lao động khi bước chân xuống tàu là phó mặc số phận cho biển khơi mà không hề có chế độ bảo hiểm bảo hộ. Gần đây, một số chủ tàu có quan tâm trong việc mua bảo hiểm cho người lao động tham gia khai thác, tuy nhiên con số này không đáng kể.

Cơ cấu nghề nghiệp khai thác tập trung tại các tỉnh trọng điểm: nghề giã cào chiếm tỷ lệ cao tại các tỉnh miền Nam – 75% , họ nghề lưới kéo, lưới rê chiếm tỷ lệ 25%; các tỉnh miền Trung: họ nghề pha xúc 77,1 %, nghề mảnh 17,1%; các tỉnh miền Bắc: các họ nghề chụp mực 46,8% và nghề lưới rê, lưới kéo 37,5%. Những năm gần đây do chính sách của nhà nước ưu tiên phát triển nghề các xa bờ, các họ nghề chiếm ưu thế khai thác tuyến khơi là câu mực, chụp mực, câu cá ngừ đại dương, lưới vây.

Trình độ văn hóa, thu nhập của lao động: thấp, tỷ lệ không biết chữ cao 21,8% , trình độ tiểu học đến trung học cơ sở chiếm 70,2%, phổ thông trung học 7,5% và trình độ trung học chuyên nghiệp và đại học không đáng kể 0,5%. Thu nhập của lao động phụ thuộc chủ yếu vào sản lượng thủy sản khai thác được, mỗi chuyên biển từ 15-20 ngày, nếu sản lượng thu hoạch đạt yêu cầu thì mỗi lao động được trả từ 1.000.000 đ – 1.500.000 đ. Phương thức học nghề là “cha truyền con nối”, người lâu năm hướng dẫn cho người mới, số thuyền trưởng, máy trưởng được bồi dưỡng khoảng 5%, số lao động có chứng chỉ hành nghề khoảng 0,65%, gần 100% chưa được đào tạo, tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động trên biển.

Điều kiện sống và làm việc: người lao động làm việc trong suốt hành trình (chuyên biển) với điều kiện vô cùng khắc nghiệt, nặng nhọc, chịu nhiều áp lực: tất cả các công đoạn làm việc đều ngoài trời, chịu giông, bão, gió, lác do sóng, tiếng ồn, rung của động cơ tàu (cao hơn tiêu chuẩn cho phép); tư thế làm việc gò bó, vừa phải đứng thao tác với ngư cụ khai thác vừa phải đứng thế để tránh lác rơi xuống biển do đó rất dễ mắc các bệnh cơ xương khớp; tiếp xúc thường xuyên với môi trường nước biển và chất nhớt tiết ra từ thủy sản nên dễ mắc bệnh da liễu. Một số nghề chuyên làm việc ban đêm: chụp mực, pha xúc, mảnh chịu ảnh hưởng của ánh sáng quá mạnh gây chói mắt. Đặc biệt nguy hiểm là nhóm thợ lặn do phải lặn sâu xuống nước dễ bị giảm áp đột ngột dẫn đến tử vong hoặc liệt chi. Trên tàu, không có phòng ở, vệ sinh cho thuyền viên, ngủ trên sàn tàu, chế độ ăn uống, chăm sóc sức khỏe không đảm bảo tái sản xuất sức lao động chưa đề cập việc tai nạn, bệnh tật bất ngờ xảy ra trong chuyên biển.

Thời gian làm việc của ngư dân trên tàu kéo dài, căng thẳng liên tục từ 8 – 10 h/ngày, cá biệt có những nghề phải làm việc >12h/ngày như nghề lưới kéo, lưới vây, nghề chụp mực làm việc ban đêm từ 6h chiều hôm trước đến 6h sáng hôm sau.

Các loại bệnh đặc trưng của nghề khai thác trên biển: giảm thị lực, bệnh cơ xương khớp (46,1%), bệnh tiêu hóa, bệnh huyết áp cao(28,6%), bệnh giảm thính lực, bệnh da liễu, bệnh tai biến do lặn, say sóng, tai nạn thương tích đặc biệt trong nghề lặn (54,5%)

Lao động khai thác thủy sản trên biển là lao động đặc thù cần được nghiên cứu tác động đối với các loại bệnh để xây dựng một số chế độ chính sách về bảo hiểm thân thể, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chế độ bồi dưỡng, chăm sóc sức khỏe định kì cho lao động nặng nhọc, độc hại. Ngành Thủy sản sớm triển khai các dự án sản xuất ứng dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động đặc chủng cho lao động khai thác trên biển như: ủng cao su, kính chống sáng, đeo tai chống ồn, bộ đồ lặn cho nghề thợ lặn bắt hải sản....

Một số tồn tại và thách thức về an toàn cho người và phương tiện hoạt động nghề cá trên biển

Thời tiết khí tượng thủy văn trên các vùng biển những năm gần đây diễn biến rất phức tạp, đặc biệt bão, áp thấp nhiệt đới đều có cường độ rất mạnh, thời gian dài, hướng di chuyển trái với qui luật bình thường của nhiều năm. Năm 2006, 10 cơn bão và 4 áp thấp nhiệt đới xuất hiện ở Biển Đông, trong đó có 3 cơn bão (số 1- Chanchu, số 6 - Xangsane, số 9 - Durian) đã làm 298 người chết và mất tích, gần 1.457 tàu cá chìm, va đập hư hỏng, 20 tàu đánh cá xa bờ bị vỡ, 700 lồng bè nuôi bị trôi. 9 tháng đầu năm 2007, có 5 cơn bão và 5 áp thấp nhiệt đới gây lũ lụt tại các tỉnh miền Trung: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi và khu vực Tây Nguyên gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Sau lũ lụt, dịch bệnh xuất hiện tại các vùng bị lũ làm ảnh hưởng không ít tới đời sống văn hóa, kinh tế của cộng đồng sinh sống ven biển, lao động nghề cá.

Năm 2007, ngành Thủy sản đã phối hợp với Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em phát động phong trào **“Vi trẻ em nghèo ven biển”**, toàn Ngành đã quyên góp, hỗ trợ thông qua Quỹ Nhân đạo Nghề cá, các doanh nghiệp nhận đỡ đầu các cháu có bố bị thiệt mạng do bão năm 2006. Các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, kêu gọi hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, giáo dục cho trẻ em được triển khai tích cực và sâu rộng trong toàn quốc.

Vấn đề an ninh trật tự trên biển là thách thức lớn đối với nghề cá. Sự thu hẹp các ngư trường khai thác hải sản vùng biển ven bờ buộc chủ tàu phải tìm đến các ngư trường khai thác xa bờ, trong đó có những vùng biển mang tính nhạy cảm cao. Chưa thống kê đầy đủ song số lượng tàu cá, thuyền viên Việt Nam vi phạm bị các nước trong khu vực phát hiện trong những năm gần đây tăng đáng kể so với những năm trước.

Nằm trên đường hàng hải quốc tế, Biển Đông cũng là nơi xảy ra nhiều vụ tai nạn đâm va giữa tàu cá và tàu chở hàng, giữa tàu cá và tàu cá do mật độ tàu thuyền ra vào nhiều. Năm 2006 có 73 vụ tai nạn/55 tàu cá/447 ngư dân, tàu cá của ngư dân và lực lượng Hải quân, Bộ đội Biên phòng cứu được 56 vụ/412 ngư dân.

Lao động khai thác trên biển có trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp thấp, chưa được qua bồi dưỡng các khóa về văn bản qui phạm pháp luật, nghề nghiệp, phòng bệnh, an toàn, vệ sinh lao động. Sự bất cập về chất lượng người lao động này dẫn tới hiệu quả hoạt động của các tàu cá và cũng là nguyên nhân các tai nạn trên biển: rơi xuống nước, tai nạn lao động..., các trường hợp vi phạm thông lệ quốc tế trên biển.

Một số đề xuất, kiến nghị

“Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe là trách nhiệm của cộng đồng và mỗi người dân, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, trong đó ngành Y tế giữ vai trò nòng cốt.” Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về Những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Đề nghị nhà nước và Bộ Y tế có chính sách hỗ trợ tăng cường mạng lưới y tế biển đảo cả về cơ sở vật chất và năng lực cán bộ có khả năng phẫu thuật nhằm cấp cứu kịp thời các tai nạn ngoài biển giúp cộng đồng ven biển và lao động nghề cá.

Tại các khu neo đậu tránh, trú bão có các cán bộ y tế để có thể chăm sóc sức khỏe cho lao động nghề cá.

Chính sách đào tạo cán bộ y tế cơ sở theo hướng cơ sở cử người đi đào tạo để trở về phục vụ cơ sở; chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút lao động y tế đến địa bàn vùng biển, hải đảo phục vụ có thể lưu tâm đến hiện nay các Hội Vạn, Hội Tương thân tương ái, Hội Phụ nữ.. tại nhiều địa phương ven biển, huyện đảo đã khôi phục và có vai trò quan trọng trong cuộc sống của bà con ngư dân. Hơn nữa, trẻ em và phụ nữ ở vùng biển, đảo là những người chịu các ảnh hưởng, tác động rất lớn và cũng đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định cuộc sống của cộng đồng.

- Ngành Y tế tổ chức các đội y tế lưu động tuyên truyền về phòng bệnh, phòng dịch, khám

bệnh cho lao động nghề cá.

- Đề nghị các ngành chức năng liên quan phối hợp với ngành Thủy sản nghiên cứu xây dựng chính sách riêng cho lao động nghề cá: chăm sóc sức khỏe, y tế, cải thiện cuộc sống cho lao động khai thác thủy sản.

- Ngành Thủy sản quan tâm và phối hợp với các trường dạy nghề để tập huấn, phổ cập trình độ nghề nghiệp, về an toàn lao động cho lao động trên biển. Nghiên cứu và đề xuất chế độ hỗ trợ ngư dân mua sắm trang thiết bị bảo đảm an toàn, vừa phát triển ngành vừa tham gia bảo vệ vùng biển, đảo của Tổ quốc.

Tài liệu tham khảo

1. Khảo sát điều kiện, môi trường lao động của nghề khai thác thủy sản trên biển, đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện, môi trường lao động. Năm 2006. Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Thủy sản, KS Đỗ Tiên Dũng chủ nhiệm

2. Nghiên cứu, khảo sát thực trạng điều kiện lao động ảnh hưởng tới sức khỏe người lao động chế biến thủy sản nhằm đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện lao động, đề nghị bổ sung danh mục nghề nghiệp được bảo hiểm ở Việt Nam. Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Thủy sản, Nguyễn Thị Phương Lâm, Năm 2001.

3. Phân công và hợp tác lao động Giới trong phát triển hộ gia đình và cộng đồng ngư dân ven biển Việt Nam. Đề tài khoa học, TS Nguyễn Đình Tấn, Trung tâm Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, năm 2003

4. Quyết định số 190/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 3/3/1999 về ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc độc hại nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại và nguy hiểm

5. Quyết định số 1152/2003/QĐ-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục 123 nghề, công việc độc hại nguy hiểm.

6. Quyết định số 27/2006/QĐ-BYT ngày 21/9/2006 về việc bổ sung 04 bệnh nghề nghiệp vào danh mục các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm.